

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)

KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION

Head Office: Maritime Bank Tower, level 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ St, District 1, HCM city

Tel.: +84 83 914 8585. Fax: +84 83 821 6899

Số: 06.20/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2020.

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của quý 4/2019 so với quý 4/2018)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của quý 4/2019 (kỳ báo cáo) so với quý 4/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quý năm này	Quý năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21,712,091,768	297,427,600	21,414,664,168	7200%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	10,410,401,781	13,197,698,633	(2,787,296,852)	-21%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	64,386,004,301	36,436,657,863	27,949,346,438	77%
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5,908,894,000		5,908,894,000	
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28,986,884,817	24,653,748,963	4,333,135,854	18%
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		3,296,516	(3,296,516)	-100%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	774,261,277	452,464,763	321,796,514	71%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1,338,305,455	130,000,000	1,208,305,455	929%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	6,591,000	9,705,240	(3,114,240)	-32%
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	133,523,434,399	75,180,999,578	58,342,434,821	78%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	14,321,103,400	6,765,823,445	7,555,279,955	112%



2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	26,500,860,436	4,504,952,384	21,995,908,052	488%
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phải sinh phòng ngừa rủi ro	2,954,050,000		2,954,050,000	
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	4,858,090,793	216,290,329	4,641,800,464	2146%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20,371,216,431	20,013,765,499	357,450,932	2%
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	834,572,308	649,457,270	185,115,038	29%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	498,004,367	258,165,000	239,839,367	93%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	70,337,897,735	32,408,453,927	37,929,443,808	117%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	6,701,341,369	2,215,526,575	4,485,814,794	202%
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	278,870,363	268,355,396	10,514,967	4%
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	814,220,352	575,983,495	238,236,857	41%
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	7,794,432,084	3,059,865,466	4,734,566,618	155%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		7,426,599,999	(7,426,599,999)	-100%
4.2. Chi phí lãi vay	1,434,845,932	75,589,091	1,359,256,841	1798%
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	1,434,845,932	7,502,189,090	(6,067,343,158)	-81%
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	23,009,409,670	20,425,964,527	2,583,445,143	13%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	46,535,713,146	17,904,257,500	28,631,455,646	160%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	46,589,780,961	17,907,746,887	28,682,034,074	160%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	10,472,308,274	3,609,478,775	6,862,829,499	190%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	36,117,472,687	14,298,268,112	21,819,204,575	53%



Trong quý 4/2019, Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 36.1 tỷ đồng, tăng 14.2 tỷ (53%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động. Cụ thể như sau:

- Doanh thu hoạt động tăng 58.3 tỷ (tỷ lệ tăng 78%) chủ yếu do doanh thu từ các khoản cho vay ký quỹ tăng 27.9 (tỷ lệ tăng 77%) và lãi từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ(FVTPL) tăng 21.7 tỷ trong đó chủ yếu do phát hành chứng quyền.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 4.4 tỷ do đánh giá lại tỷ giá các khoản đi vay bằng tiền USD
- Chi phí hoạt động tăng 21.9 tỷ (488%) chủ yếu do tăng chi phí lãi vay và trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh quý 4/2019 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

UQ Tổng giám đốc
Giám đốc khối



Lê Hun Woo